

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/ HNGĐ-ST

Ngày: 10/9/2025.

*“V/v tranh chấp không công nhận
quan hệ vợ chồng”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Lê.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đăng Triệu.

2. Ông Trần Ngọc Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2025 tại hội trường xét xử, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2025/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 về việc “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Mai Bích T, sinh năm 1972; nơi thường trú: tổ A, khu B, phường C, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt và có đơn xin xử án vắng mặt.

2. *Bị đơn:* anh Đinh Văn H, sinh năm: 1965; nơi thường trú: tổ A, khu B, phường C, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt và có đơn xin xử án vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xử án vắng mặt, nguyên đơn chị Mai Bích T trình bày: chị gặp và quen anh Đinh Văn H từ cuối năm 1993. Sau khi gặp và quen nhau khoảng 1-2 tháng thì anh chị tổ chức lễ cưới tự nguyện tại gia đình nhà chị và bắt đầu chung sống cùng nhau từ thời điểm đó. Do chị không biết chữ và chị nghĩ việc đăng ký kết hôn không quan trọng nên anh chị không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống cùng nhau đến cách đây khoảng 2 tháng thì anh H đuổi chị ra khỏi nhà. Nguyên nhân mâu thuẫn của chị và anh H là do tính anh H ngang và tính cách anh chị không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Trong quá trình chung sống, chị cảm

thấy không được tôn trọng nên chị rất buồn, mất mát tình cảm. Suốt những năm tháng chung sống cùng nhau, chị đã rất nhiều lần muốn ly hôn với anh H nhưng vì thương con còn nhỏ và bản thân chị không biết chữ, không có đăng ký kết hôn với anh H nên cũng không biết làm như thế nào. Nay các con chung đã trưởng thành, đã có gia đình riêng. Anh chị đã không còn quan tâm đến nhau và thực tế đã ly thân được khoảng 15 năm. Chị muốn được sống phần đời còn lại cho bản thân mình. Tổ dân khu phố đã hòa giải mâu thuẫn cho anh chị nhưng không có kết quả. Xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, tình cảm yêu thương dành cho nhau đã không còn, chị đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Đinh Văn H để chị được yên tâm ổn định cuộc sống.

Về con chung: chị và anh H có 02 con chung là Đinh Văn H1, sinh năm 1994 và Đinh Xuân Q, sinh năm 2002. Các con chung đã thành niên, đã có gia đình riêng, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: chị và anh H không vay nợ chung gì ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xử án vắng mặt, bị đơn anh Đinh Văn H trình bày: anh và chị Mai Bích T tự nguyện kết hôn và có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống như chị T trình bày là đúng. Vì chị T không biết chữ và nghĩ không cần thiết nên anh chị không đăng ký kết hôn. Anh biết việc không đăng ký kết hôn là không đúng pháp luật nhưng do hiểu biết pháp luật hạn chế nên anh chị không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống cùng nhau đến tháng 7 năm 2025 thì chị T bỏ đi nơi khác sinh sống. Ban đầu, anh có quan điểm không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị T vì anh nghĩ anh chị đã nhiều tuổi và các con đã trưởng thành, anh chị ly hôn (không công nhận quan hệ vợ chồng) sẽ làm cả gia đình xấu hổ. Tuy nhiên, sau đó anh đã suy nghĩ lại, tình cảm vợ chồng phải là từ hai phía. Chị T đã không còn yêu thương và quan tâm đến anh, anh cũng cảm thấy không còn tình cảm dành cho chị T như trước. Anh chị có tiếp tục chung sống cùng nhau, tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng không giải quyết được vấn đề gì và không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Xét thấy không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, cả hai bên không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc dành cho nhau nên anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Mai Bích T. Anh mong Tòa án nhanh chóng đưa vụ việc của anh chị ra xét xử để anh được yên tâm ổn định cuộc sống.

Về con chung: anh và chị Mai Bích T có 02 con chung là Đinh Văn H1, sinh năm 1994 và Đinh Xuân Q, sinh năm 2002. Các con chung đã thành niên, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: anh và chị T không vay nợ chung gì ai.

Tòa án nhân dân khu vực 3 – Quảng Ninh đã xác minh tại địa phương, kết quả xác minh cho thấy: anh H và chị T đã chung sống cùng nhau tại tổ A, khu B, phường C, tỉnh Quảng Ninh từ khoảng năm 1994. Trong quá trình chung sống cùng nhau, anh chị thường xuyên mâu thuẫn, vợ chồng không hạnh phúc (khoảng từ năm 2018 đến nay). Khu phố đã tiến hành hòa giải cho chị T và anh H nhưng không thành, cả hai đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tiến hành tố tụng và nội dung giải quyết vụ án dân sự, khẳng định: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về thẩm quyền: xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và đúng tư cách tố tụng các đương sự, về thời hạn chuẩn bị xét xử và các thủ tục tố tụng khác. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung, căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Bích T. Căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mai Bích T và anh Đinh Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Đinh Văn H có nơi đăng ký thường trú tại tổ A, khu B, phường C, tỉnh Quảng Ninh nên yêu cầu khởi kiện của chị Mai Bích T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về nội dung vụ án: chị Mai Bích T và anh Đinh Văn H cùng khẳng định, anh chị chỉ tổ chức lễ cưới theo nghi lễ truyền thống và chung sống với nhau như vợ chồng từ khoảng năm 1993 nhưng không đi đăng ký kết hôn hợp pháp. Về nguyên nhân dẫn đến chị T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh H thì chị T và anh H có lời khai khác nhau nhưng cả hai anh chị đều xác định đã không còn tình cảm yêu thương vợ chồng, không còn sự quan tâm dành cho nhau và cùng đề nghị Tòa án nhanh chóng giải quyết vụ việc để anh chị được yên tâm ổn định cuộc sống. Xét thấy, cuộc sống chung không có, tình cảm yêu thương dành cho nhau và sự quan tâm dành cho nhau không còn, chị T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng và anh H cũng đồng ý. Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình

năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTT-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

Về con chung: trong quá trình chung sống, chị T và anh H có 02 con chung là Đình Văn H1, sinh năm 1994 và Đình Xuân Q, sinh năm 2002. Các con chung đã đủ 18 tuổi, đã có gia đình riêng, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: chị T và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: không có.

[3] Về án phí: chị T phải nộp án phí đối với yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 238 và Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào khoản 2 Điều 53; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTT-BTP ngày 06/01/2016 Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Bích T.

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mai Bích T và anh Đình Văn H.

2. Về con chung: các con chung Đình Văn H1 (sinh năm 1994) và Đình Xuân Q (sinh năm 2002) đã đủ 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: chị T và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; vay nợ chung: không có.

4. Về án phí: chị Mai Bích T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp ngày 05/8/2025 theo biên lai số 0000393 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSNDKV3 – Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hải Lê

